

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 4 - 2021
Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Tiến

2. Ông Nguyễn Chí Lin

-Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXX- ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972(vắng mặt)

Địa chỉ: B5/9 Ấp Long Thời, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Hiệp, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Lê Văn D hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ truyền rồi chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hợp nên thường xuyên cãi vã và hai người đã ly thân từ năm 1990 đến nay. Nay bà xin ly hôn với ông D vì không thể hàn gắn được.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Minh V sinh năm 1992 và Lê Thị Thanh T sinh năm 1994 hiện nay bà đang nuôi. Khi ly hôn các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: không có.

Đối với bị đơn: ông Lê Văn D thống nhất tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung như bà H trình bày là đúng. Ông đồng ý ly hôn. Đồng thời ông xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông D.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà H và ông D hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 không có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là không phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thấy rằng từ khi chung sống với nhau, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nay bà H xin ly hôn ông D. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông D có hai con chung tên Lê Minh V sinh năm 1992 và Lê Thị Thanh T sinh năm 1994 (các con đã trưởng thành). Do đó không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông D khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà H là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D là quan hệ vợ chồng.

2/ *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0007878 ngày 06/6/2021 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA huyện Đức Hòa;
- UBND xã An Ninh Đông;
- UBND xã Long Thành Bắc, Huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy